

## DANH LỤC CÁC LOÀI VE SÀU ĐẦU DÀI HỌ FULGORIDAE (HOMOPTERA: AUCHENORRHYNCHA: FULGOROIDEA) Ở VIỆT NAM

PHẠM HỒNG THÁI

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật*

Họ Ve sàu đầu dài Fulgoridae thuộc liên họ Fulgoroidea, phân bộ ve-rầy Auchenorrhyncha, bộ Cánh giống Homoptera. Đây là họ có kích thước lớn của bộ Cánh giống, với các đốm màu sắc sỡ trên cánh. Trên thế giới đã ghi nhận 600 loài thuộc 125 giống, 5 phân họ. Ở Việt Nam đã có một số công bố liên quan đến họ này như: Vitalis de Salvaza (1919) đã ghi nhận 4 loài; Viện Bảo vệ thực vật (1976) công bố danh sách côn trùng của miền Bắc Việt Nam, trong đó có 5 loài; Mai Phú Quý và nnk (1981) ghi nhận 6 loài; Fennah (1978) đã ghi nhận 3 loài ở Việt Nam; Phạm Hồng Thái, Tạ Huy Thịnh (2004) đã xây dựng khoá định loại cho các loài ve sàu đầu dài có mặt ở Việt Nam; gần đây nhất Constant & Pham (2008) đã mô tả một loài mới cho khoa học, mẫu chuẩn thu được ở Đakrông, Quảng Trị.

### I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong công trình này, dựa trên những mẫu vật chúng tôi thu được trong vòng 30 năm trở lại đây, hiện đang được lưu giữ tại Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật. Một số mẫu vật khác đang được lưu giữ tại: Bảo tàng lịch sử tự nhiên Luân Đôn, Anh; bộ mẫu của Lallemand, Trường Đại học Gemblour, Vương Quốc Bỉ. Hệ thống các loài ve sàu đầu dài đã ghi nhận ở Việt Nam dựa trên hệ thống phân loại của Nagai và Porion (1996), cùng với đầy đủ tên gốc, synonym và dẫn liệu phân bố của chúng.

### II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đã xác định 29 loài thuộc 10 giống, 4 tộc, 4 phân họ có mặt ở Việt Nam. Phần lớn trong số đó phân họ Fulgorinae và phân họ Aphaeninae (Fulgorinae - 14 loài, Aphaeninae - 10 loài); phân họ Lystrinae có 4 loài và phân họ Phenacinae chỉ có 1 loài.

#### Phân họ Fulgorinae, Tộc Laternarini, Giống *Saiva* Distant, 1906

##### 1. *Saiva cardinalis* (Butler, 1874)

*Fulgora cardinalis* Atkins, 1885. Phân bố: Việt Nam: Lào Cai (Sapa). Thế giới: Ấn Độ, Nêpan.

2. *Saiva gemmata* (Westwood, 1848). *Fulgora gemmata* Atkins, 1885, *Saiva curtiprora* Butler, 1874, *Saiva monetaria* Noualhier, 1896. Phân bố: Việt Nam: Lạng Sơn, Tây Ninh. Thế giới: Ấn Độ, Thái Lan.

#### Giống *Pyrops* Spinola, 1839

3. *Pyrops clavata* (Westwood, 1839). *Fulgora clavata* Westwood, 1841. *Hotinus ponderosus* Stal, 1854. Phân bố: Việt Nam: Vĩnh Phúc (Tam Đảo). Thế giới: Ấn Độ, Mianma, Thái Lan.

4. *Pyrops watanabei* Distant, 1918. Phân bố: Việt Nam: Phú Thọ (Xuân Sơn). Thế giới: Đài Loan (Trung Quốc).

5. *Pyrops condorina* (Lallemand, 1960). Phân bố: Việt Nam: Nam Bộ. Thế giới: chưa bắt gặp.

6. *Pyrops viridirostris* (Westwood, 1848). *Fulgora viridirostris* Westwood, 1848. Phân bố: Việt Nam: Bắc Bộ (Than-Moi), Vĩnh Phúc (Ngọc Thanh). Thế giới: Ấn Độ, Mianma, Thái Lan.
7. *Pyrops candelaria* (Linné, 1746). *Cicada candelaria* Linné, 1746. Phân bố: Việt Nam: Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Yên Bái, Cao Bằng, Hà Nội, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Quảng Nam, Kon Tum. Thế giới: Trung Quốc, Ấn Độ, Campuchia, Thái Lan, Malaixia.
8. *Pyrops astarte* (Distant, 1914). Phân bố: Việt Nam: Lào Cai. Thế giới: Thái Lan.
9. *Pyrops spinolae* (Westwood, 1842). *Fulgora spinolae* Westwood, 1842, *Pyrops nigrirostris* (Walker, 1858). Phân bố: Việt Nam: Hoà Bình, Ninh Bình, Quảng Trị, Lâm Đồng, Gia Lai. Thế giới: Mianma.
10. *Pyrops vitalisia* (Distant, 1918). Phân bố: Việt Nam: Hải Phòng (Cát Bà), Phú Thọ (Xuân Sơn), Thái Nguyên (Thần Sa). Thế giới: Lào, Campuchia.
11. *Pyrops coelestina* (Stal, 1863). Phân bố: Việt Nam: Tây Ninh (Lò Gò – Xa Mát). Thế giới: Campuchia.
12. *Pyrops ducalis* (Stal, 1863)\*. Phân bố: Việt Nam: Tây Ninh (VQG Lò Gò – Xa Mát). Thế giới: Lào, Campuchia.
13. *Pyrops lathburii* (Kirby, 1818)\*. Phân bố: Việt Nam: Vĩnh Phúc (Ngọc Thanh). Thế giới: Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan.
- Tộc Zannini, Giống Zanna Kirkaldy, 1902**
14. *Zanna chinensis* (Distant, 1893). *Zanna distanti* (Schmidt, 1911). Phân bố: Việt Nam (chưa rõ địa điểm thu mẫu cụ thể, mẫu vật lưu giữ ở Bảo tàng Lịch sử tự nhiên Luân Đôn). Thế giới: Ấn Độ, Trung Quốc, Mianma, Thái Lan.
- Phân họ Phenacinae, Giống Guentheria Lallemand, 1963**
15. *Guentheria formosa* Lallemand, 1963. Phân bố: Việt Nam: Vĩnh Phúc (Tam Đảo). Thế giới: Trung Quốc.
- Phân họ Lystrinae, Giống Polydictya Guérin – Méneville, 1844**
16. *Polydictya johannae* (Guérin – Méneville, 1844). Phân bố: Việt Nam: Kiên Giang (Phú Quốc). Thế giới: chưa bắt gặp.
17. *Polydictya basalis* (Guérin – Méneville, 1844). Phân bố: Việt Nam. Thế giới: Ấn Độ, Malaixia.
18. *Polydictya tricolor* (Westwood, 1845). *Lystra tricolor* Westwood, 1845. *Polydictya tricolor* Walker, 1851. Phân bố: Việt Nam (chưa rõ địa điểm thu mẫu cụ thể, mẫu vật lưu giữ ở Bảo tàng Lịch sử tự nhiên Luân Đôn). Thế giới: Ấn Độ, Lào, Campuchia.
19. *Polydictya vietnamica* Constant & Pham, 2008. Phân bố: Việt Nam: Quảng Trị (Húc Nghi). Thế giới: chưa bắt gặp.
- Phân họ Aphaeninae, Tộc Aphaenini, Giống Scamandra Stal, 1863**
20. *Scamandra* sp. Phân bố: Việt Nam: Hải Phòng (Cát Bà). Thế giới: chưa bắt gặp.
- Nhận xét:* Loài *Scamandra* sp. (mẫu vật được thu ở Vườn Quốc gia Cát Bà, Hải Phòng) với đặc điểm: đầu, pronotum, bụng màu đỏ gạch, mesonotum màu nâu sẫm; cánh trước phần ngọn cánh màu hung vàng, nửa gốc cánh trước có các hàng đốm tứ giác màu nâu chạy theo các gân dọc; cánh sau phần gốc màu đỏ gạch, phần ngọn màu hung vàng. Các đốt ống và đốt đuôi màu đỏ

gạch; đốt ống chân sau có 6 gai; vòi vượt quá đốt gốc chân sau; dài thân 38mm. Đây có thể là loài mới cho khoa học và sẽ được nghiên cứu tiếp tục.

**Giống *Aphaena* Guérin – Méneville, 1834**

21. *Aphaena najas* (Schmidt, 1906). Phân bố: Việt Nam: Bắc Bộ (Than-Moi). Thế giới: Thái Lan.

22. *Aphaena consimilis* (Distant, 1914). *Euphria consimilis* Distant, 1914. Phân bố: Việt Nam: Lào Cai. Thế giới: Ấn Độ, Mianma.

23. *Aphaena amabilis* (Hope, 1834). *Euphria amabilis* Hope, 1845. *Aphaena lectissima* (Walker, 1858). Phân bố: Việt Nam: Bắc Bộ (Than-Moi). Thế giới: Ấn Độ.

24. *Aphaena discolor nigrotibiata* (Schmidt, 1906). *Aphaena blattoides* Walker, 1858. *Aphaena vicina* Lallemand, 1956. Phân bố: Việt Nam: Bắc Bộ, Thừa Thiên Huế (Bạch Mã), Quảng Trị (Gio Linh). Thế giới: Indônêxia.

**Giống *Penthicodes* (Blanchard, 1845)**

25. *Penthicodes atomaria* (Weber, 1801). *Penthicodes nigropunctata* (Guérin – Méneville, 1838). *Penthicodes atkinsoni* Schmidt, 1923. Phân bố: Việt Nam: Hà Nội (Ba Vì), Thừa Thiên Huế (Bạch Mã). Thế giới: Trung Quốc, Ấn Độ, Malaixia, Thái Lan, Indônêxia.

26. *Penthicodes variegata* (Guérin – Méneville, 1838). *Penthicodes basirufa* (Walker, 1851)

*Aphaena variegata* Guérin, 1834. Phân bố: Việt Nam: Vĩnh Phúc (Tam Đảo, Ngọc Thanh), Ninh Bình (Cúc Phương), Quảng Trị (Cửa Tùng). Thế giới: Malaixia.

27. *Penthicodes pulchella* (Guérin – Méneville, 1838). *Penthicodes confucius* (White, 1846)

*Penthicodes io* (Walker, 1851). *Penthicodes nigroirrorata* (Stal, 1854). *Penthicodes wachsi* (Schmidt, 1930). Phân bố: Việt Nam: Thái Nguyên (Đông Hi). Thế giới: Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Indônêxia.

**Giống *Lycorma* Stal, 1863**

28. *Lycorma delicatula* (White, 1845). *Aphaena delicatula* White, 1845. *Lycorma delicatula* Stal, 1863. Phân bố: Việt Nam (chưa rõ địa điểm thu mẫu cụ thể, mẫu vật lưu giữ ở Bảo tàng Lịch sử tự nhiên Luân Đôn). Thế giới: Ấn Độ, Trung Quốc, Lào, Cămpuchia.

**Giống *Kalidasa* Kirkaldy, 1900**

29. *Kalidasa nigromaculata* (Gray, 1852). *Fulgora nigromaculata* Gray, 1832. *Kalidasa paulinia* (Signoret, 1862). Phân bố: Việt Nam: Phú Thọ (Hạ Hoà), Tuyên Quang (Chiêm Hoá).

Thế giới: Trung Quốc, Mianma, Thái Lan.

**Bàn luận:**

Loài *Scamandra* sp. (mẫu vật được thu ở Vườn Quốc gia Cát Bà, Hải Phòng có thể là loài mới cho khoa học và sẽ được nghiên cứu tiếp tục. Loài *Pyrops ducalis* (Stal, 1863) và *Pyrops lathburii* (Kirby, 1818) là ghi nhận mới cho khu hệ côn trùng Việt Nam. Trong số 29 loài ghi nhận có mặt ở Việt Nam, có 4 loài mới chỉ ghi nhận sự có mặt ở Việt Nam và chưa phát hiện ở nơi nào khác trên thế giới. Những loài này có thể là đặc hữu cho khu hệ ve sầu đầu dài của Việt Nam.

Dựa trên sự phân bố địa lý của các loài Ve sầu đầu dài có mặt ở Việt Nam, có thể nói rằng, sự phân bố của chúng là tương đối hẹp. Tất cả các loài đều có sự phân bố nằm trong vùng Đông Phương, ngoài 4 loài chỉ có mặt ở Việt Nam, 4 loài khác chỉ phân bố trong khu vực Đông Dương, một số loài khác ngoài phân bố ở Việt Nam thì cũng chỉ ghi nhận ở một nước khác như: *Pyrops*

*astarte* và *Aphaena najas* (ghi nhận ở Thái Lan), *Pyrops spinolae* (ghi nhận ở Mianma), *Aphaena discolor nigrotibiata* (ghi nhận ở Indônêxia) và *Penthicodes variegata* (ghi nhận ở Malaixia).

Bảng 1

Phân bố địa lý động vật của Ve sầu đầu dài Fulgoridae Việt Nam

Phân họ	Tộc	Giống	Loài	Địa lý động vật
Fulgorinae	Laternarini	<i>Saiva</i>	<i>Saiva cardinalis</i> (Butler, 1874)	O
			<i>Saiva gemmata</i> (Westwood, 1848)	O
		<i>Pyrops</i>	<i>Pyrops clavata</i> (Westwood, 1839)	O
			<i>Pyrops watanabei</i> Distant, 1918	O
			<i>Pyrops condorina</i> (Lallemand, 1960)	V
			<i>Pyrops viridirostris</i> (Westwood, 1848)	O
			<i>Pyrops candelaria</i> (Linné, 1746)	O
			<i>Pyrops astarte</i> (Distant, 1914)	TL
			<i>Pyrops spinolae</i> (Westwood, 1842)	Mi
			<i>Pyrops vitalisia</i> (Distant, 1918)	IC
			<i>Pyrops coelestina</i> (Stal, 1863)	IC
			<i>Pyrops ducalis</i> (Stal, 1863)	IC
		<i>Pyrops lathburii</i> (Kirby, 1818)	O	
	Zannini	<i>Zanna</i>	<i>Zanna chinensis</i> (Distant, 1893)	O
Lystrinae	Lystrini		<i>Polydictya johanna</i> (Guérin – Méneville, 1844)	O
			<i>Polydictya basalis</i> (Guérin – Méneville, 1844)	O
			<i>Polydictya tricolor</i> (Westwood, 1845)	O
			<i>Polydictya vietnamica</i> Constant & Pham, 2008	V
Phenacinae		<i>Guentheria</i>	<i>Guentheria formosa</i> Lallemand, 1963	O
Aphaeninae	Aphaenini	<i>Scamandra</i>	<i>Scamandra</i> sp.	V
		<i>Aphaena</i>	<i>Aphaena najas</i> (Schmidt, 1906)	TL
			<i>Aphaena consimilis</i> (Distant, 1914)	O
			<i>Aphaena amabilis</i> (Hope, 1834)	O
			<i>Aphaena discolor nigrotibiata</i> (Schmidt, 1906)	In
		<i>Penthicodes</i>	<i>Penthicodes atomaria</i> (Weber, 1801)	O
			<i>Penthicodes variegata</i> (Guérin – Méneville, 1838)	Ma
			<i>Penthicodes pulchella</i> (Guérin – Méneville, 1838)	O
			<i>Lycorma</i>	<i>Lycorma delicatula</i> (White, 1845)
	<i>Kalidasa</i>	<i>Kalidasa nigromaculata</i> (Gray, 1852)	O	

Ghi chú: IC: Đông Dương, In: Indônêxia, Ma: Malaixia, Mi: Mianma, O: vùng Đông Phương, TL: Thái Lan, VN: Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Constant J., H. T. Pham, 2008: Nouvelle Revue d'Entomologie, 35: 27-31.
2. Distant W. L., 1906: The Fauna of British India, Rhynchota. London. Vol-III: 175-219.
3. Distant W. L., 1916: The Fauna of British India, Rhynchota. London. Vol-VI: 17-20.
4. Fennah R.G., 1978: Ann. Zool. Polska Akad. Nauk. Inst. Zool., 34 (9): 207pp.
5. Lallemand V., 1963 : Mém. Inst. R. Sci. Nat. Belg., 75(10): 1-99.
6. Metcalf Z. P., 1947: Fulgoroidea, Fulgoridae. General Catalogue of the Hemiptera. Fasc.4, Part 9. Smith College, Northampton, Massachusetts, USA.
7. Nagai S., T. Porion, 1996: Illustrated Catalogue of the Asiatic and Australian Fauna. Venette, France, 2: 1-80.
8. Mai Phú Quý và cs, 1981: Kết quả điều tra côn trùng Miền Bắc Việt Nam, Nxb KH & KT, Hà Nội: 72-85.
9. Phạm Hồng Thái, Tạ Huy Thịnh, 2004: Tạp chí Sinh học, 26(3A): 57-60.
10. Viện Bảo vệ thực vật, 1976: Kết quả điều tra côn trùng Miền Bắc Việt Nam 1967-1968. Nxb Nông thôn, Hà Nội, 61-62.
11. Vitalis de Salvaza R., 1919: Essai Traite' d'entomologie indochinoise. Hanoi I.D.E.O.: 262-280.

**A CHECKLIST OF THE FAMILY FULGORIDAE (HOMOPTERA: AUCHENORRHYNCHA: FULGOROIDEA) FROM VIETNAM**

PHAM HONG THAI

SUMMARY

Twenty nine species recorded belong to four subfamilies Fulgorinae, Phenacinae, Lystrinae and Aphaeninae, most of them (fourteen species) are of subfamily Fulgorinae, ten species are of subfamily Aphaeninae, while the subfamily Phenacinae contains only one species and subfamily Lystrinae - four species. Four species (13.8%) *Pyrops condorina* (Lallemand, 1960), *Polydictya johanna* (Guérin – Méneville, 1844), *Polydictya vietnamica* Constant & Pham, 2008, *Scamandra* sp. considered as endemic to Vietnam.

*Scamandra* sp. collected from Cat Ba National Park (200-400m) a non-identified species is similar to *Scamandra hercomione* in Philippines but different by the colour of the forewings. The checklist revises the data of geographical distribution. Notes on the basonyms and synonyms as well as distribution of all known species are given.

Công trình được thực hiện theo Đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên mã số 106.12.15.09 do NAFOSTED tài trợ.

**VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM  
VIETNAM ACADEMY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY  
VIỆN SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT  
INSTITUTE OF ECOLOGY AND BIOLOGICAL RESOURCES**

# **BÁO CÁO KHOA HỌC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT**

**Hội nghị khoa học toàn quốc lần thứ ba  
Hà Nội, 22/10/2009**

**Proceedings of the 3<sup>rd</sup> National Scientific Conference  
On Ecology and Biological Resources  
Hanoi, 22 October 2009**

**NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP  
Hà Nội - 2009**

✓ Phạm Hồng Thái, Cao Thị Quỳnh Nga	Danh lục các loài ve sầu bướm xám Ricaniidae (Homoptera: Fulgoroidea) ở Việt Nam	311
✓ Phạm Hồng Thái	Danh lục các loài ve sầu đầu dài họ Fulgoridae (Homoptera: Auchenorrhyncha: Fulgoroidea) ở Việt Nam	317
Nguyễn Thị Hải Thanh	Kết quả nghiên cứu ban đầu về thành phần loài ký sinh trùng thuộc ngành <i>Plathelminthes</i> của một số loài cá cảnh thuộc giống <i>Chaetodon</i> Linnaeus, 1758 (Perciformes: Chaetodontidae) ở tỉnh Khánh Hoà	322
Hoàng Trung Thành, Phạm Trọng Ânh, Nguyễn Trường Sơn, Nguyễn Vũ Khôi, Hồ Văn Phú, Lê Văn Cường	Ghi nhận mới về phân bố của loài Mèo ri <i>Felis chaus</i> Schreber, 1777 ở Việt Nam.	329
Lê Thị Thu Thảo, Nguyễn Phi Uy Vũ	Thành phần loài cá vùng đất ngập nước ven biển tỉnh Quảng Nam	333
✓ Tạ Huy Thịnh	Danh lục các loài thuộc bộ Cánh da (Insecta: Dermaptera) ở Việt Nam	342
✓ Tạ Huy Thịnh	Ghi nhận các loài ruồi thuộc các họ Muscidae, Calliphoridae, Sarcophagidae, Asilidae, Syrphidae và Tabanidae (Insecta: Diptera) dọc tuyến đường Hồ Chí Minh ở 3 tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh	357
Ngô Thị Hoài Thu, Đặng Diễm Hồng, Đặng Đình Kim	Phân lập và định tên chủng <i>Isochrysis</i> sp. từ vùng biển Hải Phòng dựa trên các đặc điểm hình thái và so sánh trình tự nucleotit của gen 18s rADN	365
Cao Thị Kim Thu	Dẫn liệu bước đầu về thành phần loài họ Cánh úp lớn (Perlidae, Plecoptera, Insecta) ở các tỉnh miền Trung Việt Nam	370
Nguyễn Văn Thuận, Nguyễn Thị Ngọc Nhị	Thành phần loài và đặc điểm phân bố của giun đất ở phía bắc tỉnh Bình Định	375
Phan Quốc Toàn	Danh sách các loài chuồn chuồn (Insect: Odonata) ở Vườn quốc gia Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc	383
Lê Thị Trễ, Hoàng Xuân Thảo	Tính hữu thụ của hạt phấn và bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội của loài Cóc hồng ( <i>Lumnitzera rosea</i> (Gaud.) Presl. 1834)	390
✓ Hoàng Vũ Trụ, Cao Thị Quỳnh Nga, Tạ Huy Thịnh	Phân bố của các loài Xén tóc (Cerambycidae, Coleoptera) ở bắc Trường Sơn thuộc 3 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh	394